

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Tháng 3 năm 2022

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	11 - 48

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nghiêm Quang Huy	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 04 tháng 11 năm 2021)
Ông Lương Đình Thành	Thành viên - Phụ trách Hội đồng Quản trị (Miễn nhiệm ngày 05 tháng 11 năm 2021)
Ông Phạm Văn Khánh	Thành viên
Ông Nguyễn Hoài Nam	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 20 tháng 01 năm 2022)
Ông Trần Hải Bằng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)
Ông Chu Thanh Hải	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Từ Giang	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2021)
Ông Lương Đình Thành	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 06 tháng 8 năm 2021)
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Sơn Trường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Chu Thanh Hải	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2022)
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)
Ông Vũ Mạnh Quang	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 16 tháng 9 năm 2021)
Ông Hoàng Quyết Thắng	Phó Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 01 năm 2022)
Ông Vũ Chí Cường	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 03 tháng 6 năm 2021)

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và cho đến ngày 06/8/2021 là Ông Lương Đình Thành - Ủy viên Hội đồng Quản trị - Phụ trách Hội đồng Quản trị. Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty từ ngày 06/8/2021 thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Từ Giang - Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính, Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Số: 113 /VACO/BCKIT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 30 tháng 3 năm 2022, từ trang 04 đến trang 48 bao gồm Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng (gọi chung là "báo cáo tài chính riêng").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng kèm theo dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Tuy nhiên, do các vấn đề mô tả tại đoạn "Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến", chúng tôi đã không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty.

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến

- Như trình bày tại Thuyết minh số 2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 3.659,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 3.712,2 tỷ VND) và nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 368,9 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 727 tỷ VND). Tổng Công ty đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chủ yếu bao gồm số dư gốc vay là khoảng 594,2 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 690,4 tỷ VND). Các yếu tố này dẫn tới nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty. Khả năng hoạt động liên tục của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về các kế hoạch hoạt động này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu báo cáo tài chính riêng kèm theo được lập với giả định Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục có phù hợp hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 8 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có số dư khoản phải thu cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh vay để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh của Khách sạn Lam Kinh với số tiền là 200 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 200 tỷ VND) và số dư dự phòng đã trích lập cho khoản phải thu này là khoảng 124,4 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 124,4 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị có thể thu hồi của khoản phải thu này tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
- Như trình bày tại Thuyết minh số 11 và Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1 có giá gốc lần lượt là khoảng 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 245,1 tỷ VND và 25,8 tỷ VND). Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan có thẩm quyền để: (1) xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 và; (2) nghiệm thu, quyết toán chi phí của Tổng Công ty thực hiện tại dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến giá trị thuần có thể thực hiện được của các chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang nêu trên tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến (Tiếp theo)

4. Như trình bày tại Thuyết minh số 15 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 bao gồm các dự án đã tạm dừng thi công từ các năm trước là (1) Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí và (2) Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang với tổng số tiền là khoảng 5,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 5,7 tỷ VND). Chúng tôi không thể thu thập được các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.
5. Như trình bày tại Thuyết minh số 19 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có một số khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các đơn vị khác với tổng giá trị ghi sổ và giá trị dự phòng lần lượt là khoảng 707,3 tỷ VND và 642 tỷ VND, các khoản đầu tư này được trích lập dự phòng giảm giá dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập hoặc số liệu Báo cáo tài chính gần nhất mà Tổng Công ty thu thập được. Chúng tôi không thu thập được đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp liên quan đến sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này cũng như không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng cần phải trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2021. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Từ chối đưa ra ý kiến

Do tầm quan trọng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của việc từ chối đưa ra ý kiến”, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng thích hợp để làm cơ sở đưa ra ý kiến kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Vấn đề cần nhấn mạnh

- Như trình bày tại Thuyết minh số 36 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có một số khoản công nợ tiềm tàng và chưa có kết quả cuối cùng về các nghĩa vụ liên quan của Tổng Công ty.

Việc từ chối đưa ra ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Lê Xuân Thắng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 0043-2022-156-1
Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Vũ Mạnh Hùng
Kiểm toán viên
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2737-2018-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		3.766.338.979.063	3.791.777.541.801
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	219.805.568.506	129.379.797.745
1. Tiền	111		59.804.034.259	77.079.797.745
2. Các khoản tương đương tiền	112		160.001.534.247	52.300.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	220.715.000.000	715.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		14.600.000.000	14.600.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(13.885.000.000)	(13.885.000.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		220.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.131.702.033.455	1.890.509.855.707
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.857.848.800.485	1.616.956.861.780
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	586.549.393.289	606.878.143.116
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	371.489.653.344	375.924.956.451
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	268.245.683.890	274.204.630.001
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(953.156.485.579)	(984.179.723.667)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		724.988.026	724.988.026
IV. Hàng tồn kho	140	11	1.104.361.632.537	1.683.712.148.211
1. Hàng tồn kho	141		1.126.266.069.265	1.705.616.584.939
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(21.904.436.728)	(21.904.436.728)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		89.754.744.565	87.460.740.138
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	12	851.727.449	219.639.521
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		67.549.629.241	65.908.235.150
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	22	21.353.387.875	21.332.865.467

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		912.736.355.112	1.219.817.680.819
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.102.824.398	10.102.824.398
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	10.102.824.398	10.102.824.398
II. Tài sản cố định	220		6.945.189.847	8.979.943.707
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	6.815.829.847	8.780.023.707
- Nguyên giá	222		80.148.074.228	82.446.480.974
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(73.332.244.381)	(73.666.457.267)
2. Tài sản cố định vô hình	227	14	129.360.000	199.920.000
- Nguyên giá	228		5.005.180.340	5.005.180.340
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.875.820.340)	(4.805.260.340)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	15	168.259.024.436	168.299.024.436
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		24.471.433.315	24.471.433.315
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		143.787.591.121	143.827.591.121
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250		717.829.973.366	1.021.660.561.457
1. Đầu tư vào công ty con	251	16	1.384.909.968.398	1.752.412.574.396
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	17	735.449.467.055	735.449.467.055
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	18	191.595.000.000	191.595.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	19	(1.594.124.462.087)	(1.657.796.479.994)
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.599.343.065	10.775.326.821
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	9.599.343.065	10.775.326.821
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		4.679.075.334.175	5.011.595.222.620

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		4.261.320.669.095	4.646.320.430.494
I. Nợ ngắn hạn	310		4.135.266.666.323	4.518.802.921.422
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	20	2.491.624.818.529	2.758.769.254.840
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	21	162.467.436.186	140.270.770.149
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	22	39.775.719.560	1.629.162.203
4. Phải trả người lao động	314		35.283.092.622	24.258.699.417
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	23	331.570.458.239	361.463.387.688
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		1.447.841.545	1.447.841.545
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	24	394.957.025.100	367.176.404.628
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	25	685.421.485.615	871.068.612.025
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		(7.281.211.073)	(7.281.211.073)
II. Nợ dài hạn	330		126.054.002.772	127.517.509.072
1. Chi phí phải trả dài hạn	333	23	71.064.369.884	71.064.369.884
2. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		54.975.776.701	56.423.618.253
3. Phải trả dài hạn khác	337	24	13.856.187	29.520.935
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		417.754.665.080	365.274.792.126
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	417.754.665.080	365.274.792.126
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(29.710.000)	(29.710.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		76.986.992.734	76.986.992.734
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		500.000.000	500.000.000
5. Lợi nhuận, lỗ sau thuế chưa phân phối	421		(3.659.702.617.654)	(3.712.182.490.608)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(3.712.182.490.608)	(3.559.903.183.485)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		52.479.872.954	(152.279.307.123)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		4.679.075.334.175	5.011.595.222.620

Vũ Thị Châm
Người lập biểu

Vũ Minh Công
Kế toán trưởng

Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		815.601.922.898	247.954.826.066
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	28	815.601.922.898	247.954.826.066
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	29	821.141.421.917	243.042.634.878
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		(5.539.499.019)	4.912.191.188
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	55.014.980.238	6.049.076.080
7. Chi phí tài chính	22	31	(38.855.126.745)	101.613.374.386
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		14.597.566.827	20.247.469.325
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	36.260.921.559	67.827.145.853
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		52.069.686.405	(158.479.252.971)
11. Thu nhập khác	31		1.366.082.467	7.308.330.252
12. Chi phí khác	32		955.895.918	1.108.384.404
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		410.186.549	6.199.945.848
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		52.479.872.954	(152.279.307.123)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		52.479.872.954	(152.279.307.123)

Vũ Thị Châm
Người lập biểu

Vũ Minh Công
Kế toán trưởng

Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	52.479.872.954	(152.279.307.123)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	2.110.753.860	4.355.056.343
- Các khoản dự phòng	03	(94.695.255.995)	(113.868.982.779)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	2.830.571.896	404.484.180
- Lãi/ Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(54.738.165.970)	180.740.274.774
- Chi phí lãi vay	06	14.597.566.827	20.247.469.325
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(77.414.656.428)	(60.401.005.280)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(222.732.828.986)	72.719.587.340
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	579.350.515.674	(94.755.722.512)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(216.377.369.058)	(116.951.426.553)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	543.895.828	3.323.372.158
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	136.068.065.000
- Tiền lãi vay đã trả	14	(12.802.257.236)	(14.472.081.925)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	11.346.800.000	7.282.500.275
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(11.565.829.991)	(17.594.142.696)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	50.348.269.803	(84.780.854.193)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(76.000.000)	(261.400.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	-	1.021.075.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(220.000.000.000)	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	1.692.944.574	108.423.479.626
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	440.990.323.185	53.149.610.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.117.146.173	2.997.948.425
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	225.724.413.932	145.330.713.051

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

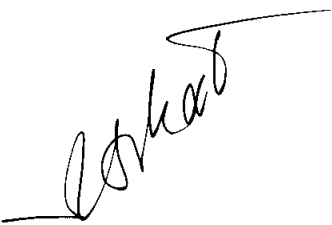
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (TIẾP THEO)

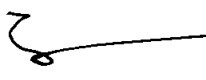
(Theo phương pháp gián tiếp)

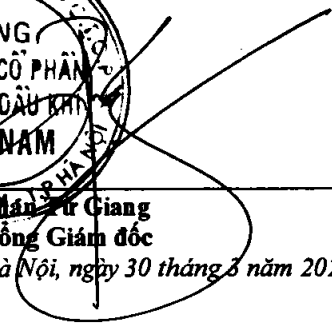
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	97.667.530.587	36.515.336.117
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(283.314.656.997)	(105.393.178.101)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(185.647.126.410)	(68.877.841.984)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	90.425.557.325	(8.327.983.126)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	129.379.797.745	137.755.310.180
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	213.436	(47.529.309)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	219.805.568.506	129.379.797.745


Vũ Thị Châm
Người lập biểu


Vũ Minh Công
Kế toán trưởng



Phan Văn Giang
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN), tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, được thành lập tại Việt Nam trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí theo Quyết định số 532/QĐ-TCCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là PVX.

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 21 ngày 23 tháng 02 năm 2022, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND, được chia thành 400.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 2.178.733.330.000 VND, chiếm 54,47%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 223 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 265).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.
- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là thi công xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng ngoại trừ một số công trình đặc thù của hoạt động xây lắp có thời gian trên 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty mẹ - Tổng Công ty gồm Văn phòng Tổng Công ty và 06 đơn vị phụ thuộc sau:

- Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2;
- Ban điều hành dự án Vũng Áng - Quảng Trạch;
- Ban điều hành các dự án PVC phía Nam;
- Ban điều hành dự án Nhà máy xơ sợi tổng hợp Polyester;
- Ban điều hành dự án Nhà máy Ethanol Phú Thọ; và
- Chi nhánh Xây lắp công trình Dầu khí phía Bắc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có 07 công ty con như trình bày tại Thuyết minh số 16 và 11 công ty liên kết như trình bày tại Thuyết minh số 17.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng**

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Giả định hoạt động liên tục**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, lỗ lũy kế của Tổng Công ty là khoảng 3.659,7 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 3.712,2 tỷ VND) và nợ phải trả ngắn hạn vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 368,9 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 727 tỷ VND). Tổng Công ty đang thiếu hụt vốn lưu động để thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ quá hạn thanh toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chủ yếu bao gồm số dư gốc vay là khoảng 594,2 tỷ VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: khoảng 690,4 tỷ VND). Khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty phụ thuộc vào kế hoạch thu hồi các khoản công nợ, tái cơ cấu các khoản đầu tư, hoàn thành và quyết toán các công trình đang dở dang để thu hồi tiền, các hỗ trợ tài chính từ các cổ đông và các chủ nợ. Theo đó, Ban Tổng Giám đốc đang thực hiện các kế hoạch để đảm bảo khả năng tiếp tục hoạt động của Tổng Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định lập báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty trên cơ sở giả định hoạt động liên tục. Báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có phát sinh từ kết quả của sự kiện trên.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính**Chứng khoán kinh doanh**

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Tổng Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Tổng Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dự thu.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là các công ty do Tổng Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Tổng Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết theo giá gốc. Tổng Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Tổng Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán riêng theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của khoản phải thu mà Tổng Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí Quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Tổng Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá xuất kho của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc và thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính là phần mềm phục vụ công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty. Các phần mềm máy tính được khấu hao theo thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 3 năm theo phương pháp đường thẳng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản trả trước (Tiếp theo)**

Tiền thuê văn phòng thể hiện số tiền thuê văn phòng đã được trả trước. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước khác chủ yếu bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Quỹ đầu tư phát triển: được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng sản xuất, kinh doanh của Tổng Công ty.

Phân phối lợi nhuận: Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tổng Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán riêng của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Trong trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Chi phí đi vay**

Toàn bộ chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính riêng và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các bên liên quan của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày tại Thuyết minh số 35.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	570.887.351	3.534.861.310
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	59.233.146.908	73.544.936.435
Các khoản tương đương tiền (i)	160.001.534.247	52.300.000.000
Cộng	219.805.568.506	129.379.797.745

Ghi chú:

- (i) Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng, bao gồm số tiền khoảng 52,3 tỷ VND gửi tại OceanBank đang tạm dừng giao dịch theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Trong năm, Tổng Công ty đã thu hồi các khoản tiền gửi có kỳ hạn này.

Các khoản tương đương tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 phản ánh các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam với lãi suất từ 0.2 %/năm đến 3.4 %/năm.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a. Chứng khoán kinh doanh	14.600.000.000	13.885.000.000	14.600.000.000	13.885.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	14.600.000.000	13.885.000.000	14.600.000.000	13.885.000.000
b. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	220.000.000.000	-	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	220.000.000.000	-	-	-

Ghi chú:

- (i) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam và Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam với lãi suất từ 3.4%/năm đến 3.8%/năm.

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***6. PHẢI THU NGÁN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<i>Ngắn hạn</i>		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.407.644.178.020	1.196.564.919.848
Viện Dầu khí Việt Nam	50.185.085.204	104.372.368.453
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.998.195.450	92.830.694.349
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	57.550.476.853	77.169.629.038
Các khoản phải thu khách hàng khác	250.470.864.958	146.019.250.092
Cộng	1.857.848.800.485	1.616.956.861.780
Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	1.727.855.878.102	1.588.426.778.145

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÁN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cảng và hạ tầng Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO)	113.386.879.741	113.386.879.741
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	108.864.916.776
Các đối tượng khác	364.297.594.772	384.626.346.599
Cộng	586.549.393.289	606.878.143.116
Trong đó: Trả trước cho người bán là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	273.948.980.472	305.109.069.213

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, 167 phố Trung Kính,
Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (i)	200.000.000.000	124.356.150.003	200.000.000.000	124.356.150.003
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (i)	140.610.703.253	140.610.703.253	142.303.647.827	142.303.647.827
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (i)	19.881.280.356	8.420.147.746	22.623.638.889	11.162.506.280
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	10.997.669.735	10.997.669.735	10.997.669.735	10.997.669.735
Cộng	371.489.653.344	284.384.670.737	375.924.956.451	288.819.973.845
Trong đó: Phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan	360.491.983.609	273.387.001.002	364.927.286.716	277.822.304.110
(Chi tiết tại Thuyết minh số 35)				

Ghi chú:

- (i) Số dư phải thu về cho vay các công ty này thể hiện: a) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (nay là Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương - OceanBank) và Tổng Công ty để thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An về việc chuyển nhượng cổ phần; và b) số tiền Tổng Công ty sử dụng tiền vay từ Hợp đồng tín dụng số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 ký với Oceanbank để cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh ("Khách sạn Lam Kinh") vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Khách sạn Lam Kinh.

Theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản vay nói trên sau khi được gia hạn là ngày 31 tháng 12 năm 2017. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang làm việc với các bên liên quan để gia hạn thời gian thanh toán các khoản vay OceanBank. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty trên để thu hồi các khoản thanh toán hộ hoặc cho vay để có nguồn thanh toán các khoản vay OceanBank nêu trên, nhằm tăng cường khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***9. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn	268.245.683.890	274.204.630.001
- Phải thu về lãi cho vay, hỗ trợ vốn, lãi phạt chậm thanh toán, chậm trả	93.618.584.282	96.538.822.287
- Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	42.770.314.825	42.373.709.249
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	11.258.775.000	14.258.774.070
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	5.000.000.000	1.651.041.612
- Tạm ứng	8.123.153.032	8.888.883.296
- Phải thu ngắn hạn khác	107.474.856.751	110.493.399.487
b) Dài hạn	10.102.824.398	10.102.824.398
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	10.102.824.398	10.102.824.398
Cộng	278.348.508.288	284.307.454.399
Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan	143.700.009.094	143.962.042.183
(Chi tiết tại Thuyết minh số 35)		

Ghi chú:

- (i) Phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thể hiện khoản tiền các ngân hàng đã khấu trừ từ tài khoản của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho các hợp đồng tín dụng mà Tổng Công ty đứng ra bảo lãnh (xem thêm tại Thuyết minh số 36).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, 167 phố Trung Kính,

Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Mẫu số B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***10. NỢ XẤU**

Thông tin về một số khoản nợ xấu chủ yếu của Tổng Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	206.138.310.290	75.643.849.997	206.138.310.290	75.643.849.997
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	208.969.964.705	-	208.969.964.705	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	140.610.703.253	-	142.303.647.827	-
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	75.739.518.828	41.510.769	75.739.518.828	41.510.769
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	67.387.731.745	26.249.851.754	88.261.675.562	24.658.993.267
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	55.539.737.388	-	55.539.737.388	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cảng và hạ tầng Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO)	43.977.863.728	6.714.619.313	43.977.863.728	6.714.619.313
Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	42.328.848.975	-	42.328.848.975	-
Công ty Cổ phần Vinaconex 39	34.868.038.765	1.157.116.118	35.925.998.583	1.157.116.118
Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Trường Sơn (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn)	30.394.484.099	100.965.000	30.495.449.099	100.965.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	26.176.673.819	-	26.176.673.819	-
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam	23.575.990.000	-	23.575.990.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	18.265.262.039	-	18.265.262.039	-
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	9.446.793.928	-	9.478.456.144	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	4.817.458.278	-	4.817.458.278	-
Công ty Cổ phần Xây lắp điện Dầu khí	3.915.379.555	195.481.713	3.915.379.555	195.481.713
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô	3.907.785.000	-	6.907.785.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp điện Dầu khí	3.719.897.842	-	3.719.897.842	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	2.765.783.163	-	2.765.783.163	-
	1.002.546.225.400	110.103.394.664	1.029.303.700.825	108.512.536.177

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định giá trị có thể thu hồi được bằng giá gốc của các khoản phải thu trừ đi giá trị đã dự phòng của các khoản phải thu này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,
Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***11. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.825.344.133	-	1.825.344.133	-
Công cụ, dụng cụ	431.700.000	-	431.700.000	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (i)	1.089.708.038.404	-	1.669.058.554.078	-
Hàng hoá	34.300.986.728	(21.904.436.728)	34.300.986.728	(21.904.436.728)
Cộng	1.126.266.069.265	(21.904.436.728)	1.705.616.584.939	(21.904.436.728)

Ghi chú:

- (i) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang là chi phí các công trình đang trong quá trình xây dựng. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, chi tiết sản xuất dở dang theo các công trình như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	810.349.214.277	1.387.853.025.209
Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (*)	245.057.868.468	245.057.868.468
Nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu 1	24.588.082.516	15.252.332.571
Các công trình khác	9.712.873.143	20.895.327.830
Cộng	1.089.708.038.404	1.669.058.554.078

- (*) Như trình bày tại Thuyết minh số 37 phần Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng, do có thay đổi về thiết kế và đơn giá, Tổng Công ty đang đề nghị các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1. Báo cáo tài chính riêng chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	851.727.449	219.639.521
Chi phí công cụ, dụng cụ	101.315.403	42.067.677
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	750.412.046	177.571.844
b) Dài hạn	9.599.343.065	10.775.326.821
Chi phí trả trước thuê văn phòng (i)	9.387.449.665	10.692.472.345
Chi phí trả trước dài hạn khác	211.893.400	82.854.476

Ghi chú:

- (i) Phản ánh chi phí trả trước về thuê văn phòng chờ phân bổ theo các Hợp đồng thuê văn phòng tòa nhà San Nam số 001/2009/SN-PVC ngày 08 tháng 01 năm 2009 giữa Tổng Công ty và Công ty TNHH San Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 Trung Kính,

Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	18.126.344.713	21.115.808.346	29.945.791.016	13.258.536.899	82.446.480.974
Mua trong năm	-	-	-	76.000.000	76.000.000
Thanh lý nhượng bán	-	-	(2.374.406.746)	-	(2.374.406.746)
Số dư cuối năm	18.126.344.713	21.115.808.346	27.571.384.270	13.334.536.899	80.148.074.228
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	12.661.680.503	19.742.586.359	28.492.022.130	12.770.168.275	73.666.457.267
Khấu hao trong năm	1.068.267.588	229.227.765	553.457.088	189.241.419	2.040.193.860
Thanh lý nhượng bán	-	-	(2.374.406.746)	-	(2.374.406.746)
Số dư cuối năm	13.729.948.091	19.971.814.124	26.671.072.472	12.959.409.694	73.332.244.381
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư đầu năm	5.464.664.210	1.373.221.987	1.453.768.886	488.368.624	8.780.023.707
Số dư cuối năm	4.396.396.622	1.143.994.222	900.311.798	375.127.205	6.815.829.847

Nguyên giá các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 57.378.902.124 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 45.265.922.507 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***14. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Chương trình phần mềm	Tổng cộng
	VND	VND
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu năm	5.005.180.340	5.005.180.340
Số dư cuối năm	5.005.180.340	5.005.180.340
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
Số dư đầu năm	4.805.260.340	4.805.260.340
Khấu hao trong năm	70.560.000	70.560.000
Số dư cuối năm	4.875.820.340	4.875.820.340
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Số dư đầu năm	199.920.000	199.920.000
Số dư cuối năm	129.360.000	129.360.000

Nguyên giá các tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 4.652.380.340 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 4.652.380.340 VND).

15. TÀI SẢN DỞ DANG DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị thuần có thể thực hiện được	Giá gốc	Giá trị thuần có thể thực hiện được
	VND	VND	VND	VND
a. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn				
Dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trạch 1 (i)	25.781.820.546	12.890.910.273	25.781.820.546	12.890.910.273
Dự án Nhà máy Xơ sợi	25.759.325.212	9.162.306.880	25.759.325.212	9.162.306.880
Nhà điều hành trung tâm nhiệt điện Long Phú	12.180.083.636	800.000.000	12.180.083.636	800.000.000
Các công trình khác	7.329.825.521	1.618.216.162	7.329.825.521	1.618.216.162
Cộng	71.051.054.915	24.471.433.315	71.051.054.915	24.471.433.315

Ghi chú:

- (i) Theo Công văn số 1828/TTg-KTN ngày 15 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh một số dự án nhà máy nhiệt điện trong các Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và Quỳnh Lập, Tập đoàn Điện lực Việt Nam sẽ thay thế Tập đoàn Dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư Dự án Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch 1. Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty vẫn đang trong quá trình làm việc với các bên liên quan để nghiệm thu, quyết toán các chi phí của Tổng Công ty tại dự án này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***15. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN (TIẾP THEO)**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
b. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Mua sắm	10.095.424.390	10.135.424.390
- Xây dựng cơ bản	133.692.166.731	133.692.166.731
Trong đó:		
Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang (ii)	127.973.080.823	127.973.080.823
Dự án Khu đô thị Đại học Dầu khí (iii)	3.883.984.985	3.883.984.985
Dự án Khu công nghiệp Dầu khí Tiền Giang (iii)	1.835.100.923	1.835.100.923
Cộng	143.787.591.121	143.827.591.121

- (ii) Thể hiện chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang ("Dự án") do Tổng Công ty tiếp nhận và làm chủ đầu tư từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) theo Quyết định số 7089/QĐ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của Hội đồng Thành viên PVN. Ngày 22 tháng 8 năm 2016, Bộ Tài chính có Văn bản số 11704/BTC-TCĐN gửi UBND tỉnh Tiền Giang và PVN để hướng dẫn cụ thể về việc chuyển giao Dự án trên. Theo Biên bản số 1421/BB-SKH&ĐT ngày 31 tháng 7 năm 2017 của tổ tiếp nhận Dự án giữa UBND tỉnh Tiền Giang, PVN và Tổng Công ty, các bên thống nhất giá trị Dự án trong giai đoạn do Tổng Công ty thực hiện là khoảng 143 tỷ VND. Ngày 01 tháng 10 năm 2018, Tổng Công ty đã ký biên bản thanh lý hợp đồng thuê đất với Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cũng như bàn giao toàn bộ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất trên lô đất của Dự án cho cơ quan này. Ngày 28 tháng 02 năm 2019, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 1630/VPCP-CN chỉ đạo Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tư pháp, Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Công thương và Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước hướng dẫn UBND tỉnh Tiền Giang và chủ đầu tư dự án, thanh toán chi phí đã đầu tư cho chủ đầu tư do việc thu hồi đất dự án, đảm bảo đúng quy định pháp luật, không để thất thoát tài sản Nhà nước và đảm bảo quyền lợi của chủ đầu tư.

Ngày 17 tháng 10 năm 2019, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản số 7643/BKHĐT-QLKKT báo cáo Thủ tướng Chính phủ về một số nội dung liên quan đến dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 6161/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng giao các Bộ phối hợp hướng dẫn hoàn trả kinh phí đã đầu tư vào dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 8 tháng 02 năm 2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã có Văn bản số 743/BKHĐT-QLKKT gửi các Bộ xin ý kiến về dự thảo phương án giải quyết và hướng dẫn hoàn trả kinh phí đã đầu tư vào dự án Khu công nghiệp dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, Tiền Giang.

Ngày 29 tháng 3 năm 2021, Tổng Công ty đã có Văn bản số 426/XLDK-KHĐT&TCC về việc xin tiếp tục giao làm Chủ đầu tư Dự án KCN dịch vụ Dầu khí Soài Rạp, tỉnh Tiền Giang. Theo đó, Tổng Công ty cam kết ngay khi được chấp thuận chủ trương tiếp tục được giao làm Chủ đầu tư Dự án, PVC sẽ huy động mọi nguồn lực, tiến hành tổ chức hoạt động đầu tư xây dựng dự án bảo đảm đúng các quy định của pháp luật.

Trên cơ sở báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo văn bản số 2382/BKHĐT-QLKKT ngày 27/4/2021, Văn phòng Chính phủ đã có văn bản số 3737/VPCP-CN ngày 04/6/2021 thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành giao các Bộ và địa phương liên quan có ý kiến cụ thể về các nội dung kiến nghị của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại văn bản nêu trên. Cùng với việc xin hoàn trả kinh phí đã đầu tư vào dự án, Tổng công ty đã ban hành văn bản số 426/XLDK-KHĐT&TCC ngày 29/3/2021 gửi Thủ tướng và các cơ quan có thẩm quyền xem xét giao lại cho PVC làm chủ đầu tư dự án.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

15. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN (TIẾP THEO)

Ngày 06 tháng 8 năm 2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư tiếp tục gửi Văn bản số 5183/BKHĐT-QLKKT kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban Nhân dân tỉnh Tiền Giang xử lý dứt điểm các vấn đề liên quan đến Dự án trong năm 2021 theo thẩm quyền và quy định của pháp luật.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022, Văn phòng Chính phủ đã có Văn bản số 964/VPCP-CN thông báo ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Văn Thành giao Bộ Tài nguyên và Môi trường có ý kiến cụ thể về việc tuân thủ trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật trong việc thu hồi đất Dự án của UBND tỉnh Tiền Giang, làm cơ sở xem xét việc Tập đoàn/Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam có được bồi thường tài sản trên đất Dự án?

Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, quá trình chuyển giao dự án vẫn chưa hoàn thành. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng Tổng Công ty sẽ thu hồi được đầy đủ các khoản chi phí Tổng Công ty đã bỏ ra để thực hiện dự án hoặc sẽ được giao lại dự án để triển khai.

- (iii) Phản ánh các dự án đã tạm dừng thi công từ nhiều năm trước. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chưa đánh giá được khả năng mang lại lợi ích kinh tế trong tương lai của các dự án này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,
Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

16. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp (VND)		Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính	Tình hình hoạt động	
			Số cuối năm	Số đầu năm				Năm nay	Năm trước
1	Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	-	367.502.605.998			Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh có lãi
2	Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Thái Bình	325.000.000.000	325.000.000.000	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
3	Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	286.227.385.833	286.227.385.833	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
4	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Quảng Ngãi	170.000.000.000	170.000.000.000	47%	53%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh lỗ
5	Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (ii)	Hà Nội	195.150.582.565	195.150.582.565	35%	35%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh lỗ
6	Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Cà Mau	153.532.000.000	153.532.000.000	53%	53%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
7	Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	153.000.000.000	153.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
8	Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Bà Rịa - Vũng Tàu	102.000.000.000	102.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
			1.384.909.968.398	1.752.412.574.398					

Ghi chú:

- (i) Trong năm, Tổng Công ty không còn quyền kiểm soát Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí ("PTL") thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của PTL, đồng thời Tổng Công ty cũng đã thực hiện chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của PTL thông qua sàn giao dịch chứng khoán với giá phí chuyển nhượng là 421 tỷ VND, theo đó một khoản lãi từ việc chuyển nhượng khoản đầu tư tại PTL đã được ghi nhận với số tiền là 53 tỷ VND.
- (ii) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Tổng Công ty nhỏ hơn 50% tại Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, cũng như giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo đó, công ty nói trên được xác định là công ty con của Tổng Công ty.

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty và các công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 35.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,
Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp (VND)		Tỷ lệ phần sở hữu trực tiếp %	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Hoạt động chính	Tình hình hoạt động	
			Số cuối năm	Số đầu năm				Năm nay	Năm trước
1	Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Hà Nội	200.000.000.000	200.000.000.000	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Không thu thập được báo cáo	Hoạt động kinh doanh lỗ
2	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Hà Nội	107.500.000.000	107.500.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Không thu thập được báo cáo	Hoạt động kinh doanh lỗ
3	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	83.271.467.055	83.271.467.055	25%	25%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Không thu thập được báo cáo	Hoạt động kinh doanh lỗ
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Hải Phòng	58.050.000.000	58.050.000.000	42%	35%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh xăng dầu, vật liệu xây dựng	Hoạt động kinh doanh có lãi	Hoạt động kinh doanh lỗ
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	Thanh Hóa	75.600.000.000	75.600.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
6	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Đà Nẵng	72.400.000.000	72.400.000.000	48%	48%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
7	Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Thanh Hóa	57.000.000.000	57.000.000.000	30%	30%	Kinh doanh dịch vụ khách sạn	Không thu thập được báo cáo	Hoạt động kinh doanh lỗ
8	Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Nghệ An	54.395.000.000	54.395.000.000	23%	23%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản	Hoạt động kinh doanh lỗ	Hoạt động kinh doanh lỗ
9	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	19.993.000.000	19.993.000.000	50%	50%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng	Không thu thập được báo cáo	Hoạt động kinh doanh lỗ
10	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	3.740.000.000	44%	44%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình	Không thu thập được báo cáo	Hoạt động kinh doanh lỗ
11	Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (i)	Hà Nội	3.500.000.000	3.500.000.000	97%	35%	Truyền thông và thương mại	Không thu thập được báo cáo	Hoạt động kinh doanh lỗ
			735.449.467.055	735.449.467.055					

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***17. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT (TIẾP THEO)**Ghi chú:

- (i) Mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí (Petro-link) tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 97% nhưng tỷ lệ sở hữu này chỉ là tạm thời do các thành viên còn lại chưa góp đủ vốn. Tỷ lệ sở hữu (vốn góp) của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh là 35%, đồng thời, Tổng Công ty cũng không nắm quyền kiểm soát tại công ty này. Do đó, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định Petro-link là công ty liên kết và trình bày khoản đầu tư này là đầu tư vào công ty liên kết.

Các giao dịch và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty và các công ty liên kết được trình bày tại Thuyết minh số 35.

18. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

STT Tên các công ty nhận góp vốn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Tỷ lệ phần sở hữu %	Giá gốc	Tỷ lệ phần sở hữu %
1 Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	7,58%	147.300.000.000	7,58%
2 Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc	23.500.000.000	16%	23.500.000.000	16%
3 Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cảng và hạ tầng Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO)	12.500.000.000	2,5%	12.500.000.000	2,5%
4 Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Trường Sơn (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn)	3.000.000.000	4%	3.000.000.000	4%
5 Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2	2.795.000.000	5%	2.795.000.000	5%
6 Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4	2.500.000.000	10%	2.500.000.000	10%
	191.595.000.000		191.595.000.000	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,
Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Thông tin chi tiết về các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn của Tổng Công ty như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Đầu tư vào công ty con	1.384.909.968.398	732.467.304.889	1.752.412.574.396	795.627.663.933
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	-	-	367.502.605.998	107.665.468.829
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	325.000.000.000	186.674.376.219	325.000.000.000	162.105.265.570
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	286.227.385.833	111.777.918.795	286.227.385.833	112.393.037.996
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	170.000.000.000	33.082.061.386	170.000.000.000	33.129.998.753
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô	195.150.582.565	116.653.434.460	195.150.582.565	116.889.568.318
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	153.532.000.000	153.532.000.000	153.532.000.000	153.532.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	153.000.000.000	55.727.203.871	153.000.000.000	40.264.395.012
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	102.000.000.000	75.020.310.158	102.000.000.000	69.647.929.455

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,
Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

19. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
b) Đầu tư vào công ty liên kết	735.449.467.055	701.580.104.278	735.449.467.055	702.091.763.141
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	107.500.000.000	107.500.000.000	107.500.000.000	107.500.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	83.271.467.055	83.271.467.055	83.271.467.055	83.271.467.055
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (ii)	58.050.000.000	25.880.399.719	58.050.000.000	26.265.576.843
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (ii)	75.600.000.000	75.600.000.000	75.600.000.000	75.600.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (i)	72.400.000.000	72.400.000.000	72.400.000.000	72.400.000.000
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	57.000.000.000	57.000.000.000	57.000.000.000	57.000.000.000
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (ii)	54.395.000.000	54.395.000.000	54.395.000.000	54.395.000.000
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	19.993.000.000	19.993.000.000	19.993.000.000	19.993.000.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	3.740.000.000	3.740.000.000	3.740.000.000	3.740.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu	3.500.000.000	1.800.237.504	3.500.000.000	1.926.719.243
c) Đầu tư dài hạn khác	191.595.000.000	160.077.052.920	191.595.000.000	160.077.052.920
Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long (i)	147.300.000.000	147.300.000.000	147.300.000.000	147.300.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (iii)	23.500.000.000	11.288.806.120	23.500.000.000	11.288.806.120
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Cảng và hạ tầng Việt Nam (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO) (iii)	12.500.000.000	1.488.246.800	12.500.000.000	1.488.246.800
Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư Trường Sơn (trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC - Trường Sơn) (iii)	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 (iii)	2.795.000.000	-	2.795.000.000	-
Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (iii)	2.500.000.000	-	2.500.000.000	-
Tổng cộng	2.311.954.435.453	1.594.124.462.087	2.679.457.041.451	1.657.796.479.994

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***19. DỰ PHÒNG ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (TIẾP THEO)****Ghi chú:**

- (i) Tổng Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung và Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long với số tiền 219,7 tỷ dựa trên thông tin báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán.
- (ii) Tổng Công ty trích lập dự phòng giảm giá khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa và Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An với tổng số tiền khoảng 155,9 tỷ VND dựa trên thông tin báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được kiểm toán. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên. Báo cáo tài chính riêng chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.
- (iii) Đối với các khoản đầu tư vào các Công ty liên kết còn lại và các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác với tổng giá trị ghi sổ và tổng giá trị dự phòng của các khoản đầu tư lần lượt là khoảng 519,3 tỷ VND và 486,1 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của các công ty này. Do đó, Tổng Công ty chưa đánh giá được hết sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư trên. Báo cáo tài chính riêng chưa bao gồm bất cứ điều chỉnh nào có thể có liên quan đến vấn đề này.

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u> <u>VND</u>	<u>Số đầu năm</u> <u>VND</u>
<i>Ngắn hạn</i>		
Công ty Công nghiệp Daelim	920.815.024.388	1.054.255.257.836
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	481.825.479.593	484.890.856.579
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.049.565.265	177.049.565.265
Tập đoàn Sojitz	129.431.850.559	132.719.099.414
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng	103.975.783.202	107.165.897.573
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	58.374.311.377	58.374.311.377
Các đối tượng khác	620.152.804.145	744.314.266.796
Cộng	2.491.624.818.529	2.758.769.254.840
Trong đó, Phải trả người bán là các bên liên quan	493.033.650.470	569.980.420.657
(Chi tiết tại Thuyết minh số 35)		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Ngắn hạn		
Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam	50.009.054.320	55.740.009.354
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
Các đối tượng khác	29.679.905.967	1.752.284.896
Cộng	162.467.436.186	140.270.770.149
 Trong đó, Người mua trả tiền trước là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	 82.778.475.899	 82.778.475.899

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp/ phải thu trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp/ đã thu trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	434.204.167	53.453.329.137	23.260.961.814	30.626.571.490
Thuế thu nhập cá nhân	1.182.992.925	559.576.063	497.094.098	1.245.474.890
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	2.008.231.348	336.461.668	1.671.769.680
Các loại thuế khác		6.085.611.918	18.497.599	6.067.114.319
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	11.965.111	264.432.122	111.608.052	164.789.181
Cộng	1.629.162.203	62.578.838.722	24.432.281.365	39.775.719.560
b) Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	26.600.011	-	-	26.600.011
Thuế xuất, nhập khẩu	19.254.703	-	-	19.254.703
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.256.556.285	-	-	21.256.556.285
Thuế thu nhập cá nhân	29.670.748	50.193.156	29.670.748	50.193.156
Các loại thuế khác	783.720	-	-	783.720
Cộng	21.332.865.467	50.193.156	29.670.748	21.353.387.875

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Ngắn hạn	331.570.458.239	361.463.387.688
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	325.118.006.783	353.383.216.513
Chi phí phải trả khác	6.452.451.456	8.080.171.175
b) Dài hạn	71.064.369.884	71.064.369.884
Chi phí phải trả cho các công trình xây dựng	71.064.369.884	71.064.369.884

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,
Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam**MÃ SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***24. PHẢI TRẢ KHÁC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	394.957.025.100	367.176.404.628
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.547.203.218	1.246.194.469
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	3.000.000	3.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	393.406.821.882	365.927.210.159
- Dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh (i)	137.942.779.492	137.942.779.492
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) (ii)	142.089.980.808	133.507.481.108
- Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (iii)	54.098.464.510	54.038.464.510
- Các đối tượng khác	59.275.597.072	40.438.485.049
b) Dài hạn	13.856.187	29.520.935
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	13.856.187	29.520.935
Cộng	394.970.881.287	367.205.925.563

Ghi chú:

- (i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, số dư dự phòng thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh như trình bày tại Thuyết minh số 36.
- (ii) Khoản phải trả Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương thể hiện số lãi vay phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, bao gồm chi phí lãi vay của Tổng Công ty và chi phí lãi vay mà Tổng Công ty sẽ thu lại từ các công ty mà Tổng Công ty đã thanh toán hộ hoặc cho vay theo các hợp đồng hỗ trợ vốn (trình bày tại Thuyết minh số 8) để thanh toán cho OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời điểm thanh toán các khoản này đã được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất khoản vay giảm xuống còn 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 như trình bày tại Thuyết minh số 25. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang tìm kiếm các giải pháp để thanh toán cho khoản phải trả lãi vay đã quá hạn.
- (iii) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam chủ yếu bao gồm khoảng 42,2 tỷ VND là số tiền Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu của Dự án Khu Công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp - Tiền Giang.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***25. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Số cuối năm		Trong năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	685.421.485.615	685.421.485.615	97.667.530.587	283.314.656.997	871.068.612.025	871.068.612.025
a) Vay ngắn hạn	91.204.634.226	91.204.634.226	97.667.530.587	187.146.922.667	188.684.026.306	188.684.026.306
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Tây (i)	91.204.634.226	91.204.634.226	93.667.530.587	183.146.922.667	180.684.026.306	180.684.026.306
- Ông Lương Thế Hùng	-	-	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
b) Vay dài hạn đến hạn trả (ii)	594.216.851.389	594.216.851.389	-	96.167.734.330	690.384.585.719	690.384.585.719
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	594.216.851.389	594.216.851.389	-	96.167.734.330	690.384.585.719	690.384.585.719
Cộng	685.421.485.615	685.421.485.615	97.667.530.587	283.314.656.997	871.068.612.025	871.068.612.025

Ghi chú:

- (i) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hà Tây theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/2084729/HĐTD ngày 29 tháng 9 năm 2021 với hạn mức 880 tỷ VND và thời hạn cấp tín dụng 30 tháng 9 năm 2022 nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở LC. Khoản vay này được đảm bảo theo các Hợp đồng cầm cố/thế chấp/bảo lãnh/ký quỹ được giao kết trước ngày, cùng ngày và sau ngày của Hợp đồng này. Các khoản vay được giải ngân theo các khế ước nhận nợ, có thời hạn vay mỗi lần nợ không quá 11 tháng, lãi suất vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay. Lãi suất áp dụng cho những khoản vay những năm trước là 8.4%. Lãi suất áp dụng cho những khoản vay phát sinh trong kỳ này là 7.5% và 5.5%.
- (ii) Vay dài hạn đến hạn trả phản ánh khoản vay Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa OceanBank và Tổng Công ty từ nguồn vốn ủy thác của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tại OceanBank. Theo Nghị quyết số 7548/NQ-DKVN ngày 29 tháng 10 năm 2014 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và theo Công văn số 7697/2014/CV-OceanBank ngày 09 tháng 12 năm 2014 của OceanBank, thời hạn thanh toán của các hợp đồng tín dụng nói trên được gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2017 và lãi suất áp dụng cho các khoản vay là 2,4%/năm kể từ thời điểm không trả được lãi đến ngày 31 tháng 12 năm 2014 và lãi suất 1%/năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2015. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2018, khoản vay chịu lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, khoản vay đã quá hạn thanh toán, Tổng Công ty vẫn đang tìm các giải pháp để thanh toán cho khoản gốc vay quá hạn nêu trên.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,

Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***26. VỐN CHỦ SỞ HỮU****a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác của chủ sở hữu	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.559.903.183.485)	517.554.099.249
Lỗi trong năm	-	-	-	-	(152.279.307.123)	(152.279.307.123)
Số dư đầu năm nay	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.712.182.490.608)	365.274.792.126
Lãi trong năm	-	-	-	-	52.479.872.954	52.479.872.954
Số dư cuối năm nay	4.000.000.000.000	(29.710.000)	76.986.992.734	500.000.000	(3.659.702.617.654)	417.754.665.080

b) Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 21 ngày 23 tháng 02 năm 2022, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 4.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn đã góp	
	VND	%	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.178.733.330.000	54,47%	2.178.733.330.000	2.178.733.330.000
Các đối tượng khác	1.821.266.670.000	45,53%	1.821.266.670.000	1.821.266.670.000
	4.000.000.000.000	100%	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

26. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Vốn góp đầu năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	4.000.000.000.000	4.000.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
d) Tình hình phát hành cổ phiếu của Tổng Công ty		
	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	400.000.000	400.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	2.971	2.971
- Cổ phiếu phổ thông	2.971	2.971
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	399.997.029	399.997.029
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	6.758	844.888
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	9.716.217.233	9.716.217.233

28. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	815.601.922.898	247.954.826.066
<u>Trong đó:</u>		
- Doanh thu hoạt động xây lắp	802.169.694.361	239.931.547.462
- Doanh thu bán hàng	10.655.352.326	3.448.553.495
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.776.876.211	4.574.725.109
	815.601.922.898	247.954.826.066
b) Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	815.601.922.898	247.954.826.066
c) Trong đó: doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	744.435.417.084	133.449.217.182

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,
Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn của hoạt động xây lắp	808.297.121.111	234.630.635.022
Giá vốn của hàng bán	10.271.339.770	4.519.034.811
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	2.572.961.036	3.892.965.045
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Cộng	821.141.421.917	243.042.634.878

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	869.600.968	2.997.948.425
Lãi bán các khoản đầu tư	53.868.565.002	1.995.001.801
Lãi chênh lệch tỷ giá	276.814.268	793.339.354
Doanh thu tài chính khác	-	262.786.500
Cộng	55.014.980.238	6.049.076.080

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lãi tiền vay	14.597.566.827	20.247.469.325
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	186.754.300.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	3.157.441.869	1.254.866.669
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	(63.672.017.907)	(115.737.483.488)
Chi phí tài chính khác	7.061.882.466	9.094.221.880
Cộng	(38.855.126.745)	101.613.374.386

32. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Chi phí nhân viên	47.663.051.369	42.546.483.411
Chi phí đồ dùng văn phòng	356.112.846	639.364.408
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.402.442.452	1.550.296.525
Thuế, phí và lệ phí	2.344.575.410	941.734.922
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.767.612.949	12.363.243.970
Chi phí bằng tiền khác	5.750.364.621	7.917.521.912
(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	(31.023.238.088)	1.868.500.705
Cộng	36.260.921.559	67.827.145.853

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***33. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	13.346.704.003	22.062.308.707
Chi phí nhân công	75.848.781.296	76.611.537.625
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.110.753.860	4.355.056.343
Chi phí dịch vụ mua ngoài	203.575.451.552	294.107.762.887
(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất tài sản	(31.023.238.088)	1.868.500.705
Chi phí khác bằng tiền	536.657.097	11.080.597.897
Cộng	264.395.109.720	410.085.764.164

34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	52.479.872.954	(152.279.307.123)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(151.351.500.667)	203.584.305
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i>	724.222.151	203.584.305
<i>Chuyển lỗ</i>	(152.075.722.818)	-
Thu nhập chịu thuế	(98.871.627.713)	(152.075.722.818)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

35. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN*Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:*

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN)	Công ty mẹ
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá dầu Nghi Sơn	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Sông Hậu 1	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Viện Dầu khí Việt Nam	Đơn vị phụ thuộc của PVN
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	Cùng chủ sở hữu
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Dầu khí	Cùng chủ sở hữu
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	Công ty con
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	Công ty liên kết

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,
Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)***Trong năm, Tổng Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:*

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	744.435.417.084	133.449.217.182
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	765.861.914.439	131.413.800.294
Viện Dầu khí Việt Nam	(27.859.842.802)	-
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	1.074.362.715	244.490.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	1.406.997.851	178.266.131
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	477.520.049	329.243.824
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	-	835.353.750
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	250.412.837	307.448.272
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	653.829.969	613.065.572
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	2.569.140.208	-
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	1.081.818	(472.450.661)
Mua hàng hóa và dịch vụ	87.093.923.735	49.481.718.502
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	13.571.026.483	404.013.996
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	11.117.141.872	(163.636)
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	9.334.570.866	809.742.308
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	6.100.548.523	4.019.872.115
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	6.611.141.024	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	2.277.853.325	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	2.619.000.000	11.331.622.709
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	35.147.568.221	30.478.322.580
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu	315.073.421	-
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	-	2.438.308.430
Tiền lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	3.603.386.302	3.858.714.334
Hội đồng Quản trị	1.141.763.513	1.410.621.351
Ông Nguyễn Đình Thế	25.968.767	289.541.470
Ông Lương Đình Thành	396.246.532	403.103.233
Ông Nghiêm Quang Huy	374.077.486	390.867.671
Ông Trần Hải Bằng	136.508.000	-
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	-	128.387.727
Ông Phạm Cương	-	128.387.727
Ông Phạm Văn Khánh	208.962.727	70.333.523
Ban Tổng Giám đốc	1.986.562.926	1.575.921.030
Ông Phan Từ Giang	147.840.455	-
Ông Nguyễn Anh Tuấn	170.332.000	-
Ông Nguyễn Văn Đồng	383.431.065	414.240.258
Ông Nguyễn Đức Đạt	-	176.092.135
Ông Vũ Chí Cường	157.342.524	314.505.830
Ông Nguyễn Trung Trí	406.069.275	472.828.543
Ông Chu Thanh Hải	370.991.066	110.996.090
Ông Bùi Sơn Trường	335.556.542	87.258.174
Ông Vũ Mạnh Quang	15.000.000	-
Ban kiểm soát	475.059.864	872.171.953
Ông Vũ Trọng Quốc Thịnh	125.377.740	384.613.716
Bà Trần Thị Trang	-	168.096.296
Ông Hứa Xuân Nam	328.082.123	319.461.940
Ông Nguyễn Ngọc Cương	10.800.000	-
Ông Phùng Văn Sỹ	10.800.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)***Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:*

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản phải thu khách hàng	1.727.855.878.102	1.588.426.778.145
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	1.407.644.178.020	1.196.564.919.848
Viện Dầu khí Việt Nam	50.185.085.204	104.372.368.453
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	91.998.195.450	92.830.694.349
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	57.550.476.853	77.169.629.038
Ban Quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hoá Dầu Nghi Sơn	50.006.385.426	50.006.385.426
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	23.093.291.361	23.093.291.361
Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí	15.500.000.000	15.500.000.000
Tổng Công ty Khí Việt Nam	9.446.793.927	9.446.793.927
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	6.097.621.800	6.097.621.800
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	5.546.942.139	5.546.942.139
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	2.765.783.163	2.765.783.163
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	1.767.675.040	1.627.185.210
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bê tông Dầu khí	296.057.923	150.700.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	1.226.922.322	1.164.741.750
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	700.000.000	700.000.000
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	619.359.633	278.440.484
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam	366.052.500	366.052.500
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - CTCP	532.785.009	532.785.009
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô	2.493.151.877	193.323.233
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	16.811.955	16.811.955
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	2.308.500	2.308.500
Phải thu khác	143.700.009.094	143.962.042.183
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.795.218.993	31.961.175.904
Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh	38.622.590.619	35.289.515.387
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	28.609.410.560	26.177.267.615
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	20.507.270.308	20.507.270.308
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	731.314.239	731.314.239
Công ty Cổ phần Dầu khí Đồng Đô	6.375.455.925	9.375.455.925
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	6.840.056.555	6.840.056.555
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	5.360.238.712	5.360.238.712
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	1.527.989.642	2.075.889.084
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	2.754.759.140	2.068.154.052
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam	1.669.212.234	1.669.212.234
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	600.000.000	600.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình	500.000.000	500.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	344.909.696	344.909.696
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2	265.370.827	265.370.827
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	104.817.200	104.817.201
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	90.714.104	90.714.104
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	680.340	680.340

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***35. NGHIỆP VỤ VÀ SỎ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)***Sổ dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau (Tiếp theo):*

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trả trước cho người bán	273.948.980.472	305.109.069.213
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	108.864.918.776	108.864.916.776
Công ty TNHH MTV Đầu tư phát triển công nghiệp tàu thủy phía Nam	42.215.869.300	42.215.869.300
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	54.324.395.257	43.006.213.439
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	17.338.948.678	17.338.948.678
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	28.268.366.989	50.693.297.207
Công ty Cổ phần Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An	11.263.563.283	11.263.563.283
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	8.662.958.462	28.662.958.462
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	2.700.000.000	2.700.000.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	229.674.800	229.674.800
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Thái Bình	-	53.342.341
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí	80.284.927	80.284.927
Người mua trả tiền trước	82.778.475.899	82.778.475.899
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Vũng Áng - Quảng Trạch	82.778.475.899	82.778.475.899
Phải trả người bán ngắn hạn	493.033.650.470	569.980.420.657
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	177.049.565.265	177.049.565.265
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí	103.975.783.202	107.165.897.573
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	37.517.942.443	52.276.952.713
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	58.374.311.377	58.374.311.377
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa	33.857.091.676	38.928.091.686
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	889.857.109	27.042.356.726
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Bình Sơn	36.522.440.307	34.055.423.434
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại dầu khí Thái Bình	3.347.417.298	20.861.872.510
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	15.553.622.314	16.926.121.213
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô	9.657.719.135	11.337.503.908
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí	1.677.346.521	1.677.346.521
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung	3.947.951.289	3.947.951.289
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	10.225.602.174	19.928.480.134
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	187.307.819	187.307.819
Công ty Cổ phần Thương mại và Truyền thông Liên minh Dầu khí	249.692.541	221.238.489
Các khoản cho vay ngắn hạn	360.491.983.609	364.927.286.716

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM
Tầng 14, Tòa nhà Viện Dầu khí, số 167 phố Trung Kính,
Phường Yên Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09-DN
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG

a) Bảo lãnh cho các khoản vay

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng Công ty có các khoản bảo lãnh cho các công ty khác vay vốn tại các tổ chức tín dụng đã bị quá hạn, cụ thể như sau:

Đơn vị được bảo lãnh	Tổ chức nhận bảo lãnh	Thời hạn bảo lãnh	Dư nợ bảo lãnh cuối năm	Dư nợ vay quá hạn cuối năm	Dự phòng nghĩa vụ nợ phải trả cuối năm
			VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - Hội sở chính	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/4/2012	73.668.464.073	73.668.464.073	73.668.464.073
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh	Từ ngày 01/01/2012 đến ngày 30/6/2012	49.961.348.093	49.961.348.093	49.961.348.093
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Trụ sở chính	Từ ngày 26/7/2011 đến ngày 26/7/2012	14.312.967.325	14.312.967.325	14.312.967.325
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (*)	Ngân hàng TNHH MTV Đại dương - Chi nhánh Sài Gòn	Từ ngày 31/12/2011 đến ngày 30/8/2012	17.103.570.845	17.103.570.845	-
Tổng			155.046.350.336	155.046.350.336	137.942.779.491

Tổng Công ty, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chịu trách nhiệm thanh toán cho các tổ chức tín dụng một khoản tiền bằng giá trị thư bảo lãnh cộng với toàn bộ các nghĩa vụ trả lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh (nếu có) ngay sau khi nhận được văn bản yêu cầu đầu tiên kèm hồ sơ chứng minh Bên được bảo lãnh đã không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ (nếu có) cho các tổ chức tín dụng. Lũy kế đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, (i) các tổ chức tín dụng đã thực hiện khấu trừ tiền từ tài khoản tiền gửi của Tổng Công ty để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh với giá trị là khoảng 91 tỷ VND, (ii) các đơn vị được bảo lãnh đã hoàn trả cho Tổng Công ty khoảng 49 tỷ VND trong tổng số tiền bị khấu trừ nêu trên. Theo đó, số dư phải thu về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là khoảng 42 tỷ VND (trình bày tại Thuyết minh số 9).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo***36. CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)****a) Bảo lãnh cho các khoản vay (Tiếp theo)**

Theo kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước nêu tại Báo cáo kiểm toán năm 2014 ký ngày 10 tháng 3 năm 2016, Tổng Công ty đã trích lập dự phòng toàn bộ nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến các khoản bảo lãnh trên báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, các công ty được bảo lãnh đang tiếp tục làm việc với các tổ chức tín dụng về việc gia hạn thời gian trả nợ. Tổng Công ty cũng đang tiếp tục làm việc với các công ty được bảo lãnh và các tổ chức tín dụng để giải tỏa nghĩa vụ bảo lãnh nhằm tăng khả năng thanh toán của Tổng Công ty cũng như để phù hợp với các quy định về quản trị công ty áp dụng cho công ty đại chúng.

(*) Trong năm 2016, Tổng Công ty đã rà soát các thư bảo lãnh và đánh giá nghĩa vụ bảo lãnh của Tổng Công ty tại thư bảo lãnh cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) vay vốn tại Ngân hàng TMCP Đại Dương - Chi nhánh Sài Gòn (nay là Ngân hàng TNHH MTV Đại Dương (OceanBank) - Chi nhánh Sài Gòn) có sự thay đổi. Hội đồng thẩm định các khoản trích lập dự phòng của Tổng Công ty đã đánh giá và thống nhất việc hoàn nhập dự phòng cho nghĩa vụ nợ phải trả liên quan đến thư bảo lãnh khoản vay của PVC-SG tại OceanBank - Chi nhánh Sài Gòn với số tiền khoảng 99,9 tỷ VND và ghi giảm chi phí tài chính năm 2016.

Ngày 18 tháng 8 năm 2016, PVC-SG gửi Công văn số 58/XLDKSG gửi Tổng Công ty báo cáo một số nội dung liên quan đến tài sản đảm bảo cho khoản vay ủy thác và tình hình làm việc với Oceanbank. Theo đó, ngày 10 tháng 8 năm 2016, Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã gửi cho PVC-SG công văn số 784/2016/CV-CNSG trả lời phương án xử lý nợ của PVC-SG. Tại công văn này, Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đã chấp thuận cho PVC-SG thực hiện phương án đầu tư kinh doanh Dự án Khu dân cư phát triển đô thị khu vực 2 và 3, phường 5, thành phố Vị Thanh, tỉnh Hậu Giang (Dự án Vị Thanh) cũng như giải chấp từng phần tài sản đảm bảo để PVC-SG bán hàng/bán tài sản để tạo nguồn trả nợ cho Oceanbank và PVC-SG trả toàn bộ dư nợ gốc (khoảng 148 tỷ VND). Đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, PVC-SG đã trả được 131 tỷ VND/148 tỷ VND nợ gốc; đồng thời PVC-SG thực hiện khá tốt phương án trả nợ mà Oceanbank - Chi nhánh Sài Gòn đưa ra. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của Công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC SG có đủ khả năng thanh toán cho Oceanbank.

b) Bảo lãnh thanh toán

Ngày 29 tháng 12 năm 2010, Tổng Công ty đã ký Hợp đồng bảo lãnh số 0112/2010/HĐBL.TT-PVCTB với Công ty TNHH-Du lịch Dầu khí Thái Bình (nay là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình - Công ty con của Tổng Công ty)) và phát hành thư bảo lãnh thanh toán cho PVC-Thái Bình với giá trị bảo lãnh khoảng 111,8 tỷ VND. Theo đó, Tổng Công ty cam kết và bảo đảm với Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí (PVEP) về việc PVC-Thái Bình sẽ thực hiện thanh toán đầy đủ và đúng hạn các nghĩa vụ thanh toán với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng Dự án Đầu tư Xây dựng Khách sạn Dầu khí Thái Bình ngày 28 tháng 12 năm 2010 giữa PVEP và PVC-Thái Bình. Thư bảo lãnh thanh toán có hiệu lực kể từ ngày ký tới ngày PVC-Thái Bình hoàn thành nghĩa vụ đối với PVEP theo quy định của Hợp đồng chuyển nhượng nêu trên. Trong năm 2016, Tổng Công ty đã nhận được văn bản từ PVEP yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng nghĩa vụ phải trả của Công ty mẹ - Tổng Công ty đối với khoản bảo lãnh sẽ không phát sinh do PVC-Thái Bình có đủ khả năng thanh toán cho PVEP.

c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ

Tổng Công ty là nhà thầu thi công dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc và dự án đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ.

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ ban hành Thông báo số 3129/TB-TTCTP về kết luận thanh tra việc đầu tư các dự án Nhiên liệu sinh học có vốn góp của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và các đơn vị. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị Tổng Công ty phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại kinh tế gây ra đối với chủ đầu tư do vi phạm Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

36. CÔNG NỢ VÀ TÀI SẢN TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)**c) Kết luận của Thanh tra Chính phủ (Tiếp theo)**

Ngày 24 tháng 11 năm 2016, Thanh tra Chính phủ cũng ban hành Thông báo số 3130/TB-TTCTP về kết luận thanh tra việc đầu tư xây dựng dự án Nhà máy sản xuất xơ sợi Polyester Đình Vũ. Theo đó, Thanh tra Chính phủ kiến nghị: (i) giảm giá trị nghiệm thu, thanh toán khoảng 46,8 tỷ VND đối với phần công việc do Tổng Công ty thực hiện do việc ký kết hợp đồng đã vi phạm quy định Pháp lệnh ngoại hối; (ii) giảm giá trị nghiệm thu thanh toán khoảng 8,1 tỷ VND và 23 nghìn USD của hợp đồng EPC đối với phần công việc Tổng Công ty thực hiện do nghiệm thu trùng lặp và nghiệm thu khối lượng phát sinh không đúng quy định.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá rằng các Thông báo của Thanh tra Chính phủ nêu trên được dành cho các chủ đầu tư của các dự án mà Tổng Công ty là bên có liên quan theo quan hệ hợp đồng kinh tế. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty đang trong quá trình làm việc với chủ đầu tư và kiến nghị với Thanh tra Chính phủ về các nội dung có liên quan đến Tổng Công ty trong các Thông báo nêu trên.

d) Công nợ tiềm tàng khác

Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty và các công ty con đang có một số vụ kiện có liên quan đến các khoản phải thu, phải trả và công nợ tiềm tàng về thuế giá trị gia tăng, lãi phạt chậm nộp tương ứng với doanh thu đã ghi nhận nhưng chưa xuất hóa đơn. Kết quả của các vụ kiện và các công nợ tiềm tàng khác này là chưa xác định được.

37. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng Công ty thi công**

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lường hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bán giao cho các chủ đầu tư.

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2

Tổng Công ty đã ký hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 với Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 (trực thuộc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam) với giá trị là khoảng 918 triệu USD và 5.874 tỷ VND. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, tổng giá trị hợp đồng tạm tính Tổng Công ty đã ký với các nhà thầu phụ cho công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 đã vượt quá giá trị hợp đồng EPC ký với Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2. Theo Công văn số 737/TTg-KTN ngày 23 tháng 5 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ, công trình Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 được bổ sung vào danh mục các dự án điện cấp bách giai đoạn 2013 - 2020;

Dự án được áp dụng cơ chế, chính sách đặc thù ban hành tại Quyết định số 2414/QĐ-TTg ngày 11 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ.

Đến ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Tổng Công ty và Ban quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Thái Bình 2 đã đàm phán, thống nhất và ký các phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng EPC tạm xác định là khoảng 949,6 triệu USD và 10.741 tỷ VND. Đồng thời, Tổng Công ty cũng đang trong quá trình làm việc với các nhà thầu phụ để ký lại phụ lục điều chỉnh giá trị hợp đồng với các nhà thầu phụ. Theo Quyết định của Tổng Giám đốc Tổng Công ty về việc phê duyệt Dự toán Hợp đồng EPC xây dựng Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2, giá vốn ước tính để thực hiện dự án của Tổng Công ty là khoảng 952,7 triệu USD và 11.072 tỷ VND; tỷ lệ lỗ gộp dự kiến của toàn dự án là khoảng 1,28%. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đánh giá đây là ước tính tốt nhất tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng này và số liệu dự toán này luôn được soát xét và cập nhật để phản ánh đúng diễn biến lãi/lỗ thực tế của dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2. Theo đó, Tổng Công ty đã ghi nhận doanh thu và giá vốn của công trình này theo tỷ lệ lỗ gộp dự kiến trên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng kèm theo

37. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

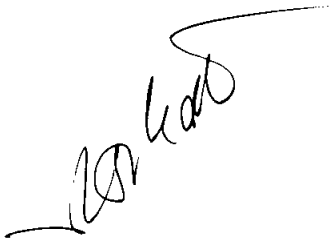
a) Giá trị phát sinh chưa lường hết tại các công trình do Tổng Công ty thi công (Tiếp theo)

Công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1

Ngày 28 tháng 9 năm 2009, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây dựng công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 với Tổng Công ty Lắp máy Việt Nam (LILAMA) theo Hợp đồng số 280909/LILAMA-PVC với tổng giá trị trọn gói là khoảng 1.322 tỷ VND. Theo Nghị quyết số 686/NQ-DKVN ngày 27 tháng 01 năm 2014, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) đã chấp thuận chi phí phát sinh chưa lường hết của toàn bộ công trình Nhà máy Nhiệt điện Vũng Áng 1 (bao gồm hạng mục đường nội bộ và phần xây dựng) là khoảng 1.090 tỷ VND. Giá trị dự toán sau thẩm tra/thẩm định đối với các hạng mục xây dựng do Tổng Công ty thực hiện tăng khoảng 290 tỷ VND (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng được khấu trừ) so với giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tổng Công ty đã đề nghị PVN xem xét điều chỉnh giá trị phát sinh chưa lường hết của dự án này. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, PVN và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền vẫn chưa có quyết định đối với đề nghị của Tổng Công ty. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng giá trị phát sinh ngoài hợp đồng sẽ được ký kết bổ sung.

b) Thông tin tái cơ cấu Tổng Công ty

Theo Nghị quyết số 2627/NQ-DKVN ngày 31 tháng 12 năm 2016, Quyết định số 104/QĐ-DKVN ngày 22 tháng 01 năm 2018 và Nghị quyết số 3696/NQ-DKVN ngày 21 tháng 6 năm 2018 của Hội đồng Thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt kế hoạch tái cơ cấu PVC giai đoạn 2016 - 2020, các doanh nghiệp Tổng Công ty tiếp tục nắm giữ tối thiểu 51% vốn điều lệ trong giai đoạn 2016 - 2020 gồm: Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) và Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS). Cũng theo các Nghị quyết và Quyết định trên, Tổng Công ty sẽ thoái toàn bộ vốn đầu tư vào các công ty con còn lại trong giai đoạn 2016 - 2020. Đồng thời, Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN), Công ty Cổ phần Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) và Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT) sẽ giải thể, phá sản trong trường hợp Tổng Công ty không thể thoái vốn; và Tổng Công ty sẽ thoái vốn toàn bộ tại các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác và chứng khoán kinh doanh trong giai đoạn 2016 - 2020. Hiện tại, Tổng Công ty đang cập nhật kế hoạch tái cơ cấu cho giai đoạn 2021 - 2025 và trình Tập đoàn Dầu khí Việt Nam phê duyệt.


Vũ Thị Châm
Người lập biểu

Vũ Minh Công
Kế toán trưởng


Phan Tử Giang
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2022